Người ký: Ủy ban Nhân dân huyện Kbang
Email: ubnd.kbang@gialai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Gia Lai
Thời gian ký: 10.03.2022 16:50:12 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 313 /KH-UBND	*Kbang, ngày 10 tháng 3 năm 2022*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn huyện Kbang

Uỷ ban nhân dân huyện Kbang xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn huyện với các nội dung cụ thể như sau:

I. BỐI CẢNH, THỰC TRẠNG HỘ NGHÈO

1. Thuận lợi

- Triển khai công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện luôn được sự quan tâm, tập trung lãnh đạo chỉ đạo của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện. Căn cứ Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư, Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 21/10/2021 của Tỉnh uỷ *thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030;* Huyện ủy Kbang đã ban hành Kế hoạch số 63-KH/HU ngày 14/12/2021 *triển khai thực hiện kế hoạch số 47-KH/TU ngày 21/10/2021 của Tỉnh uỷ thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư.*

- Sự quan tâm của các cấp, các ngành và Mặt trận, các đoàn thể phối hợp chặt chẽ trong thực hiện công tác giảm nghèo; doanh nghiệp, đơn vị, cộng đồng tích cực hỗ trợ nguồn lực, giúp hộ nghèo nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, vươn lên thoát nghèo.

2. Khó khăn

- Huyện Kbang diện tích tự nhiên lớn, nhiều khu vực địa hình hiểm trở, phức tạp, thời tiết khắc nghiệt, thường xuyên chịu ảnh hưởng của hạn hán, lũ lụt, mất mùa, dịch bệnh với cây trồng, vật nuôi,..tác động trực tiếp đến thu nhập và đời sống của người dân.

- Hiện nay địa bàn huyện có 01 xã đặc biệt khó khăn, 33 thôn, làng đặc biệt khó khăn thuộc xã vùng I, vùng II; đồng bào dân tộc thiểu số chiếm hơn 49% dân số, trình độ sản xuất của nhiều hộ đồng bào vẫn còn dựa trên nền tảng đơn giản, chủ yếu dựa vào thiên nhiên; một số phong tục, tập quán lạc hậu của đồng bào gây ảnh hưởng đến việc sản xuất, tiêu dùng; cơ sở hạ tầng nội đồng còn hạn chế, cần đầu tư nguồn lực lớn để phát triển sản xuất.

- Thị trường tiêu thụ nông sản, hàng hóa cho người dân thiếu tính ổn định, giá cả hàng hoá làm ra không ổn định, dẫn đến hiệu quả kinh tế của một số mô hình sản xuất kinh doanh thấp.

- Do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19, tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội, gây khó khăn trong việc huy động nguồn lực để thực hiện Chương trình.

- Nhận thức của một bộ phận cấp ủy, chính quyền địa phương về công tác giảm nghèo bền vững còn thấp, ít quan tâm và đầu tư cho công tác giảm nghèo. Đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cơ sở thiếu tính ổn định, do đó chưa đề xuất được các giải pháp giảm nghèo sát với thực tiễn địa phương.

3. Thực trạng hộ nghèo, cận nghèo giai đoạn 2022-2025

Giai đoạn từ 2022 – 2025, huyện thực hiện chuẩn nghèo đa chiều theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ. Kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo cuối năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 đã được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện *về phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025) trên địa bàn huyện,* cụ thể:

- Tổng số hộ nghèo: 2.590 hộ, chiếm 14,40 % tổng số hộ dân cư trên địa bàn. Số hộ nghèo dân tộc thiểu số 2.348 hộ, chiếm tỷ lệ 26,70% tổng số hộ DTTS của huyện, chiếm 90,65% số hộ nghèo toàn huyện.

- Tổng số hộ cận nghèo: 3.005 hộ, chiếm tỷ lệ: 16,71 % so với tổng số hộ dân cư trên địa bàn; số hộ cận nghèo DTTS: 2.309 hộ, chiếm tỷ lệ 26,26% tổng số hộ DTTS của huyện, chiếm 76,83% số hộ cận nghèo toàn huyện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát:

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững; tăng cường giảm nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số, giảm dần khoảng cách giàu nghèo giữa các địa phương; hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo mới; hỗ trợ người nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế và an sinh xã hội bền vững; hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện giai đoạn 2022 – 2025; phấn đấu hoàn thành các mục tiêu giảm nghèo trong giai đoạn 2022-2025 theo Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội; Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 12/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ *phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025* và Kế hoạch số 63-NQ/HU ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Ban thường vụ Huyện uỷ.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện bình quân trên 2%/năm theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025;

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số hàng năm trên 3% theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025.

3. Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu cần đạt được đến năm 2025

a. Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình

- Phấn đấu giảm trên 1/2 số hộ nghèo và hộ cận nghèo so với đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều 2022-2025;

- Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng trên 05 mô hình, dự án giảm nghèo phù hợp nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; hộ dân tộc thiểu số.

- Phấn đấu 50% người có khả năng lao động, có nhu cầu thuộc hộ nghèo được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, tăng thu nhập.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo.

- Không còn hộ nghèo, hộ cận nghèo có thành viên là người có công cách mạng.

b. Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản đến 2025

- *Chiều thiếu hụt về việc làm*:

+ 95% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm;

+ Có ít nhất 200 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, vùng nghèo, vùng khó khăn được hỗ trợ kết nối việc làm thành công;

- *Chiều thiếu hụt về y tế*: 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế;

- *Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo*:

+ Tỷ lệ trẻ em đi học đúng độ tuổi đạt 98%;

+ Tỷ lệ người lao động qua đào tạo toàn huyện đạt 50%

+ 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp.

- *Chiều thiếu hụt về nhà ở*: Thực hiện vận động hỗ trợ làm và sửa chữa nhà ở cho ít nhất 50 hộ nghèo, hộ cận nghèo, đảm bảo có nhà ở an toàn, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

- *Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh*:

+ 98% hộ dân được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh.

+ Hỗ trợ làm nhà tiêu hợp vệ sinh cho 700 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

- *Chiều thiếu hụt về thông tin*:

+ 80% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet;

+ 95% hộ gia đình được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các kênh thông tin đại chúng.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi: Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025 được thực hiện trên phạm vi toàn huyện.

2. Đối tượng của Kế hoạch

- Hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (*trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được công nhận hộ thoát nghèo*) trên địa bàn huyện. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn xã, thôn làng đặc biệt khó khăn.

- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp-GDTX, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn.

- Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Thời gian thực hiện Kế hoạch: Đến hết năm 2025.

IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a. Mục tiêu: Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển các mô hình giảm nghèo, dự án giảm nghèo để tạo việc làm, sinh kế bền vững, có thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc, thế mạnh của vùng, địa phương để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

b. Đối tượng:

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo), người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên toàn huyện (*không gồm địa bàn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới*); ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp; cơ sở GDNN; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác xây dựng, nhân rộng, phát triển mô hình giảm nghèo, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế, tăng thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo; Ưu tiên hỗ trợ các mô hình, dự án giảm nghèo triển khai trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn; mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh cho người dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo thực hiện.

- Tạo điều kiện để người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia thực hiện mô hình, dự án giảm nghèo.

c. Nội dung hỗ trợ:

- Tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các hội dung khác theo quy định của pháp luật; mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh;

- Tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Kế hoạch và quy định của pháp luật.

d. Nhu cầu vốn:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện Dự án 2: 1.500 triệu đồng (vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 1.200 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 200 triệu đồng.

e. Tổ chức thực hiện:

- UBND các xã, thị trấn chủ trì, thực hiện các hoạt động của Dự án trên địa bàn.

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án cho UBND huyện, Phòng LĐTB&XH theo định kỳ, đột xuất.

2. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

2.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a. Mục tiêu: hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững.

b. Đối tượng:

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi toàn huyện.

- Hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

c. Nội dung hỗ trợ:

- Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định;

- Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng;

- Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thí điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

d. Nhu cầu vốn

Tổng nhu cầu vốn Tiểu dự án 1 là: 7.480 triệu đồng (vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 6.800 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 680 triệu đồng.

e. Phân công thực hiện:

- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các phòng, ban, ngành liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

- UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện các hoạt động Tiểu dự án trên địa bàn.

2.2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a. Mục tiêu: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

b. Đối tượng: Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo,cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;

c. Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo;

- Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi).

d. Nhu cầu vốn

Tổng nhu cầu vốn Tiểu dự án 2: 1.000 triệu đồng (vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 900 triệu đồng;

- Ngân sách địa phương: 100 triệu đồng;

e. Phân công thực hiện:

- Trung tâm Y tế huyện chủ trì, phối hợp với Văn phòng HĐND-UBND huyện và cơ quan liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

Căn cứ vào thực trạng tình hình dinh dưỡng và điều kiện thực tế của địa phương cũng như các định hướng của các Chương trình giai đoạn 2022-2025 để xây dựng kế hoạch hành động của huyện đến năm 2025 trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

- UBND các xã, thị trấn chủ trì, thực hiện các hoạt động Tiểu dự án trên địa bàn.

3. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

3.4. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp

a. Mục tiêu: Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, cận nghèo gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

b. Đối tượng:

- Người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp;

- Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và cá nhân có liên quan;

c. Nội dung hỗ trợ:

- Về cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn huyện;

- Xây dựng các chuẩn về giáo dục nghề nghiệp (gồm: tiêu chuẩn kỹ năng nghề; định mức kinh tế - kỹ thuật; quy định kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp; danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu; tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm và thí nghiệm; giá tối đa dịch vụ giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước); phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện;

- Khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm trên địa bàn huyện;

- Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn huyện;

- Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

d. Nhu cầu vốn

Tổng nhu cầu vốn Tiểu dự án 1: 1.200 triệu đồng (vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 1.000 triệu đồng;

- Ngân sách địa phương: 200 triệu đồng;

e. Phân công thực hiện:

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các Phòng, ban, ngành liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất.

- UBND các xã, thị trấn chủ trì, thực hiện các hoạt động Tiểu dự án trên địa bàn.

3.3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a. Mục tiêu: Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

b. Đối tượng:

- Người lao động, ưu tiên lao động hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;

- Các trung tâm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn huyện và cơ quan, tổ chức có liên quan;

c. Nội dung hỗ trợ:

- Về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc;

- Hỗ trợ giao dịch việc làm;

- Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các dữ liệu khác;

- Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động;

- Hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

d) Nhu cầu vốn

Tổng nhu cầu vốn Tiểu dự án 3: 800 triệu đồng (vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 800 triệu đồng;

e) Phân công thực hiện:

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các Phòng, ban, ngành liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

- UBND các xã, thị trấn chủ trì, thực hiện các hoạt động Tiểu dự án trên địa bàn.

5. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

5.1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a. Mục tiêu:

- Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo sử dụng dịch vụ viễn thông, tiếp cận thông tin, giảm nghèo về thông tin;

- Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở; đảm bảo 100% xã có hệ thống đài truyền thanh hoạt động, phục vụ tốt cho công tác thông tin, tuyên truyền và quản lý, điều hành tại địa phương;

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin thiết yếu cho xã hội, nhất là cung cấp thông tin về cơ sở vùng sâu, vùng xa, thông tin cho người dân sinh sống trên địa bàn các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bao gồm thông tin về kiến thức, kỹ năng, mô hình, kinh nghiệm lao động, sản xuất, kinh doanh; truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội, của người nghèo về công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội bền vững;

- Tăng cường tiếp cận thông tin thiết yếu cho cộng đồng dân cư; đảm bảo 80% xã có điểm cung cấp thông tin công cộng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ thông tin thiết yếu, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

b. Đối tượng:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c. Nội dung hỗ trợ:

- Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông;

- Thiết lập các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền;

- Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân;

- Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở (bao gồm cơ sở vật chất cho hoạt động của Đài truyền thanh xã);

- Hỗ trợ tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội, ưu tiên đối với xã, thôn, làng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

d. Nhu cầu vốn

Tổng nhu cầu vốn thực hiện Dự án: 5.200 triệu đồng (vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 5.200 triệu đồng;

e. Phân công thực hiện:

- Phòng Văn hoá và Thông tin chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và XH, các Phòng, ban liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

5.2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a. Mục tiêu: Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo

bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

b. Đối tượng:

- Người nghèo, cận nghèo và người dân tại các địa bàn thực hiện Kế hoạch;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c. Nội dung hỗ trợ:

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững;

- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo;

- Hỗ trợ các cơ quan thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững;

- Tổ chức thực hiện phong trào thi đua "*Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*", biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo;

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới;

- Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở;

- Phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

d. Nhu cầu vốn

Tổng nhu cầu vốn thực hiện Dự án: 1.100 triệu đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 1.000 triệu đồng;

- Ngân sách địa phương: 100 triệu đồng;

e. Phân công thực hiện:

- UBND các xã, thị trấn chủ trì, thực hiện các hoạt động Tiểu dự án trên địa bàn.

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Phòng, ban, ngành liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

6. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình

6.1. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

a. Mục tiêu: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cấp huyện, xã nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

b. Đối tượng:

- Cán bộ, công chức làm công tác giảm nghèo cấp huyện, xã, nhất là cấp cơ sở (cán bộ thôn, làng, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội đoàn thể, cộng tác viên giảm nghèo, người có uy tín), chú trọng nâng cao năng lực cho cán bộ nữ;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c. Nội dung hỗ trợ:

- Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Kế hoạch, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn;

- Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài huyện; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

d. Nhu cầu vốn

Tổng nhu cầu vốn thực hiện Dự án: 1.000 triệu đồng (vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 1.000 triệu đồng;

e. Phân công thực hiện:

- UBND các xã, thị trấn chủ trì, thực hiện các hoạt động Tiểu dự án trên địa bàn.

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

6.2. Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

a. Mục tiêu:

- Thiết lập quy trình, hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình;

- Tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

b. Đối tượng:

- Cơ quan chủ trì Chương trình cấp huyện, xã, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần cấp huyện, xã và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c. Nội dung hỗ trợ :

- Xây dựng khung kết quả của Chương trình, gồm: hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tiếp cận đa chiều; xây dựng quy trình, chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện;

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất;

- Các hoạt động rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp;

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo.

d. Nhu cầu vốn

Tổng nhu cầu vốn thực hiện Dự án: 800 triệu đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 600 triệu đồng;

- Ngân sách địa phương: 200 triệu đồng;

e. Phân công thực hiện:

- UBND các xã, thị trấn chủ trì, thực hiện các hoạt động Tiểu dự án trên địa bàn.

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

7. Các chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo

Thực hiện theo các quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của cơ quan cấp trên, cụ thể:

a. Chính sách tín dụng ưu đãi

Tăng cường sự phối hợp, cung cấp thông tin danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo giữa phòng Lao động – Thương binh và Xã hội và phòng Giao dịch của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện đảm bảo cho vay đúng đối tượng. Đồng thời, đơn giản về điều kiện, thủ tục hồ sơ để người nghèo dễ dàng tiếp cận với nguồn vốn; nâng cao vai trò của chính quyền cơ sở trong phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay hướng dẫn hộ được vay sử dụng nguồn vốn hiệu quả, đúng mục đích và công tác quản lý, thu hồi vốn vay.

Ngân hàng Chính sách xã hội huyện bảo đảm đủ nguồn vốn cho hộ nghèo; hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng cho vay của các chương trình vay vốn tín dụng ưu đãi đang thực hiện.

b. Hỗ trợ về y tế

- Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế của Nhà nước, Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh *quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh năm 2022*.

- Bảo hiểm xã hội huyện tích cực vận động mua thẻ bảo hiểm y tế và cấp phát kịp thời cho 100% người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng khó khăn; người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Kịp thời cấp phát thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng, tránh sai sót thông tin trên thẻ bảo hiểm y tế.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường công tác tuyên truyền, vận động về ý nghĩa, lợi ích của bảo hiểm y tế toàn dân, đảm bảo thường xuyên, liên tục trong năm.

- Trung tâm y tế nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, củng cố mạng lưới y tế cơ sở, tăng cường đội ngũ y, bác sỹ, các trang thiết bị y tế về cơ sở.

d. Hỗ trợ về giáo dục

- Thực hiện tốt các Nghị định, quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ giáo dục cho học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Tăng cường phát triển Quỹ khuyến học và các Quỹ xã hội khác nhằm khuyến khích, hỗ trợ học bổng, dụng cụ học tập, sách, vở, phương tiện đi lại…cho học sinh, sinh viên nghèo vượt khó, học giỏi. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong giáo dục, các cấp cùng với các hội đoàn thể vận động, tạo điều kiện cho con hộ nghèo đến trường.

d. Hỗ trợ tiền điện: Thực hiện đầy đủ chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội theo đúng quy định, hướng dẫn của Trung ương.

đ. Hỗ trợ hộ nghèo làm nhà tiêu hợp vệ sinh

Các cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn tích cực vận động, hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số làm nhà tiêu hợp vệ sinh; tăng cường hướng dẫn cho người dân biết cách sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

e. Trợ giúp pháp lý

Phòng Tư pháp chủ trì tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật bằng các hình thức phù hợp; UBND các xã, thị trấn phối hợp với Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật, chú trọng đối tượng là người nghèo, người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Luật Trợ giúp pháp lý;

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Tổng nhu cầu vốn: 15.880 triệu đồng (vốn sự nghiệp: 15.880 tiệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 14.500 triệu đồng (vốn sự nghiệp: 14.500 triệu đồng);

- Ngân sách tỉnh, huyện: 1.380 triệu đồng (vốn sự nghiệp: 1.380 triệu đồng);

V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Về nguyên tắc thực hiện Chương trình

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là các xã, thôn làng đặc biệt khó khăn; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và trẻ em, phụ nữ thuộc hộ nghèo. Khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, lãng phí.

- Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân; khơi dậy, phát huy tinh thần nỗ lực, tự lực vươn lên thoát nghèo của người nghèo, hộ nghèo và cộng đồng.

- Ưu tiên các công trình sử dụng nguyên vật liệu địa phương và sử dụng lao động tại chỗ để tạo thêm sinh kế cho người dân.

- Phân quyền, phân cấp cho xã, thị trấn trong xây dựng, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc, các xã gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Phòng, chống, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong quá trình thực hiện Chương trình.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, lãng phí và xử lý nghiêm minh các vi phạm trong quá trình thực hiện Chương trình.

2. Về giải pháp huy động vốn, lồng ghép nguồn lực:

- Ngân sách Trung ương giữ vai trò chủ yếu, động lực; đồng thời huy động tối đa các nguồn lực xã hội thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; bố trí vốn đối ứng từ ngân sách huyện đảm bảo theo quy định, phù hợp với tình hình thực tế và tăng cường các nguồn huy động, đóng góp hợp pháp khác, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài huyện; vốn đối ứng, tham gia, đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng.

- Bảo đảm cân đối, bố trí, huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu nguồn vốn đã được quyết định; bảo đảm tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương và trách nhiệm tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của người dân, đối tượng thụ hưởng.

- Lồng ghép nguồn lực thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, việc thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo nói chung và các chính sách giảm nghèo đặc thù với các dự án, nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện.

3. Về cơ chế quản lý, thực hiện Chương trình

- Thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ theo Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của UBND huyện *về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện giai đoạn 2021-2025.*

- Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG huyện chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện.

- Giao Phòng Lao động-TB&XH là cơ quan chủ trì tham mưu triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn huyện.

4. Giải pháp về lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng; công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền; phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện, xã gắn với phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong triển khai thực hiện công tác giảm nghèo bền vững. Lấy kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo hàng năm là một trong các tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền và cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và chính quyền từ huyện đến xã tích cực phát huy vai trò, trách nhiệm trong thực hiện công tác giảm nghèo; chủ động tham mưu xây dựng chương trình, kế hoạch giảm nghèo bền vững cụ thể, phù hợp với tình hình thực tiễn và chức năng, nhiệm vụ của mình.

5. Về giải pháp tuyên truyền

- Tổ chức đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội, nhất là người dân nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong giảm nghèo bền vững; phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần *"tương thân, tương ái"* của dân tộc ta đối với người

nghèo. Khơi dậy ý chí tự lực tự cường của người nghèo, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội.

- Đổi mới phong trào thi đua "*Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau*"; đổi mới, nâng cao chất lượng phong trào thi đua "*Kbang chung tay vì người nghèo*"; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên *"thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no*" của người dân và cộng đồng, phấn đấu "*Vì một Việt Nam không còn đói nghèo*".

6. Về giải pháp hợp tác với các huyện

Tăng cường hợp tác với các huyện, thị xã, thành phố để chia sẻ thông tin và kinh nghiệm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025; đồng thời tranh thủ sự trợ giúp về kỹ thuật và nguồn lực từ các huyện bạn, các doanh nghiệp để thực hiện công tác giảm nghèo.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các Phòng, ban liên quan và UBND xã, thị trấn tham mưu UBND huyện, Ban Chỉ đạo huyện tổ chức thực hiện Chương trình theo quy định.

- Chủ trì thực hiện Dự án 2, Dự án 4 và Dự án 7; trực tiếp quản lý, hướng dẫn và tổ chức thực hiện: Dự án 2; Dự án 4; Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6; Dự án 7; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo kết quả định kỳ, đột xuất về Ủy ban nhân dân huyện; Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh.

2. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chủ trì, trực tiếp quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp chung báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội.

3. Trung tâm y tế trực tiếp quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp chung báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

4. Phòng Văn hoá và Thông tin chủ trì Dự án 6; trực tiếp quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp chung báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

5. Phòng Tài chính-Kế hoạch

- Thực hiện chức năng cơ quan tổng hợp chương trình, chủ trì phối hợp với các Phòng, ban ngành có liên quan và UBND xã, thị trấn tham mưu UBND huyện cân đối phân bổ nguồn vốn hằng năm thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tham gia phối hợp với Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội trong việc thực hiện Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững, nhất là việc tham mưu ban hành cơ chế, chính sách khuyết khích doanh nghiệp đào tạo, tuyển dụng lao động trên địa bàn huyện vào làm việc trong doanh nghiệp.

- Phối hợp tuyên truyền, vận động các chủ đầu tư, doanh nghiệp ưu tiên tuyển dụng, sử dụng người lao động địa phương tại chổ, trong đó có hộ nghèo và hộ cận nghèo.

- Hàng năm, trên cơ sở kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương, kinh phí ngân sách tỉnh đối ứng vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Phòng Tài chính-Kế hoạch tổng hợp, tham mưu trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phân bổ cho các các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện. Chủ trì hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình theo đúng quy định.

6. Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các xã, thị trấn thực hiện tốt một số nội dung của Chương trình nhằm nâng cao tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi; thực hiện chính sách miễn giảm học phí theo quy định.

7. Phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các xã, thị trấn thực hiện tốt một số nội dung của Chương trình nhằm nâng cao chất lượng nhà ở, xoá nhà tạm cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội huyện, các tổ chức xã hội trên địa bàn huyện

- Tuyên truyền, vận động đến đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia hưởng ứng Cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*", Cuộc vận động "*Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm trong đồng bào dân tộc thiểu số để từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững*", Quỹ "*Vì người nghèo*" gắn với thực hiện Phong trào "*Kbang chung tay vì người nghèo*" đảm bảo phù hợp, hiệu quả.

- Vận động các tổ chức, cá nhân tham gia hỗ trợ các nguồn lực giúp hộ nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững theo kế hoạch của địa phương.

- Phối hợp tổ chức thực hiện việc giám sát công tác giảm nghèo của từng địa phương, đơn vị.

9. Các Phòng, ban, cơ quan, đơn vị huyện theo chức năng nhiệm vụ được giao có trách nhiệm triển khai các nội dung trong Kế hoạch, tích cực tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025.

10. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo và bộ máy tham mưu, giúp việc cấp mình được thống nhất, đồng bộ theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình trong giai đoạn 5 năm và hằng năm.

- Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn và chủ động huy động thêm các nguồn lực khác thực hiện Chương trình.

- Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn được phân bổ đảm bảo đúng mục tiêu, hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát.

- Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) về tình hình triển khai thực hiện Chương trình theo thẩm quyền và trách nhiệm được giao.

11. Trách nhiệm báo cáo và thời gian báo cáo

Các Phòng, ban, ngành, đoàn thể và UBND các xã, thị trấn có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này về Ủy ban nhân dân huyện (*qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp*) **định kỳ trước ngày 30/5 hàng năm (*báo cáo 06 tháng*) và trước ngày 30/11 hàng năm (*báo cáo của năm*).**

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Kbang. Đề nghị các phòng, ban ngành, đoàn thể và UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện. Quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh, đề xuất kiến nghị để điều chỉnh phù hợp./.

Nơi nhận:
- Sở Lao động-TB&XH (B/c);
- TT Huyện ủy; TT HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Uỷ ban MTTQ VN huyện;
- Các CQ, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG T. GIA LAI

Nguyễn Văn Dũng

Phụ lục I

DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN CTMTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2022 - 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 313 /KH-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2022 của UBND huyện)

Đơn vị tính : triệu đồng

STT	Dự án, hoạt động	Tổng cộng			Ngân sách Trung ương			Ngân sách địa phương			Huy động khác
		Nguồn ĐTPT	Nguồn SN	Huy động khác	Tổng cộng	Nguồn ĐTPT	Nguồn SN	Tổng cộng	Nguồn ĐTPT	Nguồn SN	
1	**Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**		**1.500**		**1.300**		**1.300**	**200**		**200**	
2	**Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**		**8.480**		**7.700**		**7.700**	**780**		**780**	
2.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp		7.480		6.800		6.800	680		680	
2.2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng		1.000		900		900	100		100	
3	**Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm**		**2.000**		**1.900**		**1.900**	**100**		**100**	
3.1	Tiểu dự án 1: Phát triển GD nghề nghiệp		1.200		1.100		1.100	100		100	
3.2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững		800		800		800				
4	**Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**		**2.100**		**2.000**		**2.000**	**100**		**100**	
4.1	Tiểu Dự án 1: Giảm nghèo về thông tin		5.200		5.200		5.200				
4.2	Tiểu Dự án 2: Truyền thông giảm nghèo		1.100		1.000		1.000	100		100	
5	**Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình**		**1.800**		**1.600**		**1.600**	**200**		**200**	
5.1	Tiểu Dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình		1.000		1.000		1.000				
5.2	Tiểu Dự án : Giám sát, đánh giá		800		600		600	200		200	
TỔNG GIAI ĐOẠN 2022 - 2025			**20.080**		**18.700**		**18.700**	**1.380**		**1.380**	